

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST

Ngày: 14-12- 2022

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Bà Phùng Thị Hoài Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đ: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lê Như C, sinh năm 1933; trú tại: xóm 6, thôn M, xã C, thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn T, sinh năm 1966; trú tại: số 159/2 Trần Quốc Toản, phường L, thành phố L, tỉnh Đ. Văn bản uỷ quyền ngày 05/9/2022. Có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Lê Văn H, sinh năm 1964; trú tại: xóm 6, thôn M, xã C, thành phố L, tỉnh Đ. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1964; trú tại: số 297 Hai Bà Trưng, Phường 6, thành phố L, tỉnh Đ. Văn bản uỷ quyền ngày 28/4/2022. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 ông Lê Đình T1, sinh năm 1956; trú tại: xóm 6, thôn M, xã C, thành phố L, tỉnh Đ. Có mặt.

3.2 bà Trần Thị C, sinh năm 1958; trú tại: xóm 6, thôn M, xã C, thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Cấn: ông Nguyễn Tuyên, sinh năm 1966; trú tại: số 159/2 Trần Quốc Toản, phường L, thành phố L, tỉnh Đ. Văn bản uỷ quyền ngày 05/9/2022. Có mặt.

3.3 ông Lê Đình T2, sinh năm 2002; trú tại: xóm 6, thôn M, xã C, thành phố L, tỉnh Đ. Có đơn xin vắng mặt.

3.4 bà Hoàng Thị V, sinh năm 1965; trú tại: xóm 6, thôn M, xã C, thành phố L, tỉnh Đ. Có mặt.

3.5 ông Lê Trọng N1, sinh năm 1987; trú tại: xóm 6, thôn M, xã C, thành phố L, tỉnh Đ. Có đơn xin vắng mặt.

3.6 ông Lê Thế H, sinh năm 1990; trú tại: xóm 6, thôn M, xã C, thành phố L, tỉnh Đ. Có đơn xin vắng mặt.

3.7 bà Lê Thanh N, sinh năm 1991; trú tại: số 22 Lữ Gia, Phường 9, thành phố L, tỉnh Đ. Có đơn xin vắng mặt.

3.8 Ủy ban nhân dân thành phố L; địa chỉ: số 01 Kim Đồng, thành phố L, tỉnh Đ

Đại diện theo pháp luật ông Đoàn Kim Đ – chức vụ: Chủ tịch;

Đại diện theo uỷ quyền: ông Phùng Ngọc H – Chức vụ: Phó Chủ tịch; Theo văn bản uỷ quyền ngày 04/8/2022. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tuyên trình bày:

Vào năm 1995 ông Lê Như C được con trai là ông Lê Đình Thám tặng cho thửa đất diện tích khoảng 2.300m² tại xã C, thành phố L. Nguồn gốc đất là do ông Thám khai phá từ năm 1996. Trong thời gian ông C về bắc sinh sống thì

con trai thứ là ông Lê Văn Hiến đã tự ý đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2002, ông C được Nhà nước xây dựng nhà tình nghĩa trên diện tích 64m² thuộc một phần thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L. Quá trình sinh sống, ông Hiến gây khó khăn trong việc sinh hoạt của gia đình ông C, vì vậy ông yêu cầu: Công nhận diện tích 2.387m² thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L, tỉnh Đ thuộc quyền sử dụng của ông Lê Như C; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 6990663 do UBND thành phố L cấp ngày 23/12/1998 cho hộ ông Lê Văn Hiến thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L.

Quá trình giải quyết vụ án, ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Hiến trả lại diện tích 409m² (tính từ mép tường nhà ông C kéo ngang qua nhà ông Hiến 10m) thuộc một phần thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L; hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn Hiến và công nhận diện tích này cho ông C.

Bị đơn ông Lê Văn Hiến có đại diện theo uỷ quyền bà Nguyễn Thị Hạnh trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 2.387m² thuộc thửa 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L là của anh Trần Văn Tính được hợp tác xã An Ninh giao khoán để trồng chè, do phần đất này thuộc vùng trũng, trồng chè không đạt hiệu quả nên ông Tính đã bỏ hoang một thời gian dài. Đến năm 1994 khi gia đình ông Hiến từ tỉnh Đồng Nai lên thành phố L sinh sống thì được anh Tính cho diện tích đất này để canh tác. Năm 1998, ông đi đăng ký kê khai và được UBND thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 6990663 ngày 23/12/1998, từ đó đến nay ông sinh sống ổn định, không tranh chấp với ai. Năm 2007, bố ông là ông Lê Như C từ ngoài bắc vào không có chỗ ở, phải ở nhờ chòi canh rẫy của một hộ dân tại địa phương và do hoàn cảnh khó khăn nên vào năm 2011 được nhà nước tạo điều kiện xây dựng 01 căn nhà tình thương, do đó ông có cho ông C diện tích đất khoảng 30m² thuộc một phần thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L để nhà nước xây nhà cho ông C. Do vậy, trước yêu cầu khởi kiện của ông C thì ông Hiến chỉ đồng ý cho diện tích đất 64,4m² mà ông C đã được Nhà nước xây dựng nhà và hiện nay đang sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Đình Thám trình bày: Vào năm 1986 ông đến thành phố L sinh sống, đến năm 1992 có khai phá được thửa đất tại xóm 6, thôn M 3, xã C, thành phố L, sau khi khai hoang thửa đất thì ông đã trồng cây cà phê được 03 năm tuổi rồi tặng cho bố là ông Lê Như C và em trai Lê Văn Hiến vào năm 1995. Do đó thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L hiện nay ông Lê Văn Hiến

được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông cho ông C và ông Hiến, vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Như C buộc ông Hiến trả lại phần diện tích đất ông C khởi kiện.

Bà Trần Thị Cần trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của ông C và không có ý kiến gì thêm.

Bà Hoàng Thị Vui trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của ông Hiến và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Lê Đình Thi, ông Lê Trọng Nghĩa, ông Lê Thế Hùng, bà Lê Thanh Nga đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt và không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay,

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Như C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị công nhận diện tích diện tích 409m² (tính từ mép tường nhà ông C kéo ngang qua nhà ông Hiến 10m) thuộc một phần thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L là của ông Lê Như C.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Như C, công nhận phần hiện trạng ông C đang sử dụng thuộc quyền quản lý sử dụng của nguyên đơn, huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn đối với phần diện tích đất được công nhận (theo bản vẽ ngày 20/7/2022), buộc nguyên đơn thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố L, ông Lê Trọng Nghĩa, ông Lê Thế Hùng, bà Lê Thanh Nga, ông Lê Đình Thi có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nói trên theo thủ tục chung.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xuất phát từ việc Nguyên đơn ông Lê Như C cho rằng được ông Lê Văn Thám cho diện tích đất khoảng 2.387m² thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L, tỉnh Đ, tuy nhiên hiện nay ông Lê Văn Hiến đang sử dụng và được UBND thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu ông Hiến trả lại toàn bộ diện tích nêu trên và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 6990663 do UBND thành phố L cấp ngày 23/12/1998 cho ông Lê Văn Hiến. Còn ông Lê Văn Hiến không đồng ý trả lại đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp nên các bên phát sinh tranh chấp.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn ông Lê Như C với bị đơn ông Lê Văn Hiến; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình Thám, bà Trần Thị Cần, ông Lê Đình Thi, ông Lê Trọng Nghĩa, ông Lê Thế Hùng, bà Lê Thanh Nga và UBND thành phố L, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã rút 01 phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Lê Văn Hiến trả lại 409m² thuộc một phần thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L, tỉnh Đ nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần diện tích nguyên đơn rút yêu cầu là 1.978m² thuộc một phần thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L, tỉnh Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì: nguồn gốc diện tích đất 2.387m² thuộc thửa 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 6990663 ngày 23/12/1998. Nguyên đơn cho rằng diện tích trên do ông Lê Đình Thám tự khai phá, sau đó cho ông Lê Như C và ông Lê Văn Hiến canh tác, sử dụng. Quá trình sử dụng đất ông Hiến đã tự đi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có ý kiến của ông C nên khởi kiện đòi lại 01 phần diện tích đất 409m² và đề nghị công nhận phần diện tích đất này cho ông C. Còn bị đơn ông Hiến trình bày phần diện tích đất ông đang sử dụng được ông Trần Văn Tính cho vào năm 1993 khi ông đến thành phố L lập nghiệp, ông đã sử dụng ổn định từ đó cho đến

nay và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998, việc ông Lê Như C ở trên phần đất của ông là do khi chính quyền địa phương có chính sách xây dựng cho ông C 01 căn nhà tình nghĩa thì ông và vợ đã đồng ý cho ông C phần diện tích đất làm nhà có chiều dài mặt đường là 4m, do đó ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Qua xem xét toàn diện chứng cứ: về trình tự thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn Hiến số M 6990663 ngày 23/12/1998 tại thửa 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L là đúng trình tự thủ tục, tại thời điểm xét cấp và quá trình sử dụng các bên không có khiếu nại đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho đến khi phát sinh tranh chấp. Hồ sơ xét cấp thể hiện phần diện tích đất này ông Hiến kê khai là đất tự khai phá, nguyên đơn đưa ra chứng cứ là đất được cho nhưng không xuất trình được chứng cứ nào thể hiện phần diện tích đất được cho này có nguồn gốc hợp pháp của ông Lê Đình Thám nên các căn cứ do nguyên đơn đưa ra là giấy cho đất của ông Lê Đình Thám và có những người ký làm chứng là không có căn cứ chấp nhận. Còn lời trình bày của bị đơn là đất do ông Trần Văn Tính cho nhưng không xuất trình được giấy cho đất, tuy nhiên phần diện tích đất ông Hiến kê khai đã được ông Hiến canh tác sử dụng ổn định từ năm 1994 cho đến nay và đến năm 1998 được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có ai tranh chấp nên có cơ sở khẳng định diện tích đất trên cấp cho hộ ông Lê Văn Hiến là đúng đối tượng sử dụng theo quy định của Luật đất đai.

[2.3] Đến năm 2011, khi ông Lê Như C được Nhà nước hỗ trợ làm nhà tình nghĩa thì ông Lê Văn Hiến, bà Hoàng Thị Vui đã viết giấy cho đất làm nhà ngày 27/09/2011 nên trên phần diện tích đất tranh chấp mà nguyên đơn khởi kiện đòi lại có 01 căn nhà và các công trình phụ của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn, bà Vui thừa nhận có viết giấy cho nguyên đơn phần diện tích đất làm nhà là đúng và đồng ý cho phần diện tích đất này cần ghi nhận. Tuy nhiên, qua xem xét thẩm định tại chỗ thì ngoài phần diện tích được cho, nguyên đơn đã làm nhà và các công trình phụ khác có phần diện tích đất lớn hơn so với giấy cho đất và nhà. Để đảm bảo việc sinh hoạt và ổn định nơi ở cũng như giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ cha con nên cần công nhận cho nguyên đơn phần diện tích đang sử dụng trên thực tế là 209m² (Diện tích 209m² bao gồm: 95.1m² thuộc hành lang lộ giới đường đi được tạm giao và 113.9m² thuộc một phần thửa 359, tờ bản đồ số 41 được công nhận) theo bản vẽ ngày 20/7/2022 là phù hợp và huỷ 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn Hiến số M 6990663 ngày 23/12/1998 tại một phần thửa 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L đối với diện tích công nhận

và giành quyền cho các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký lại theo quy định của luật đất đai.

[2.4] Đối với một số cây cà phê có trên phần diện tích đất được công nhận cho nguyên đơn là tài sản của bị đơn có giá trị là 6.850.800 đồng, nguyên đơn thừa nhận là của bị đơn nên cần buộc ông C có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cây trồng này cho ông Hiến, bà Vui.

[2.5] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng đã nhận định.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo vẽ, thẩm định giá, thẩm định tại chỗ 40.973.000 đồng nguyên đơn đã nộp và quyết toán xong. Xét việc xem xét thẩm định tại chỗ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện nguyên đơn được chấp nhận một phần nên buộc bị đơn thanh toán lại $1/3$ ($40.973.000/3$) là 13.657.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Bị đơn ông Lê Văn Hiến phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Lê Như C do trên 60 tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, các Điều 138, 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 167, 188, 203 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với phần diện tích nguyên đơn rút yêu cầu là 1.978m^2 thuộc một phần thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L, tỉnh Đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Như C về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Lê Văn Hiến.

2.1 Công nhận diện tích 113.9m² thuộc một phần thửa 359, tờ bản đồ số 41 thuộc một phần thửa đất số 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L, tỉnh Đ cho ông Lê Như C được trọn quyền sử dụng.

2.2 Tạm giao phần diện tích đất 95.1m² thuộc hành lang lộ giới đường đi cho ông Lê Như C được quản lý, sử dụng nhưng không được gây cản trở an toàn giao thông, phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai, đồng thời phải chấp hành việc xử lý hoặc thu hồi khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2.3 Huỷ 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn Hiến số M 6990663 ngày 23/12/1998 tại thửa 359, tờ bản đồ số 41 tại xã C, thành phố L đối với phần diện tích công nhận là 113.9m².

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh phần diện tích đất được công nhận theo hiện trạng diện tích đo đạc ngày 20/7/2022 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Có hoạ đồ đo vẽ ngày 20/7/2022 kèm theo.

2.4 Buộc ông Lê Như C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn Hiến, bà Hoàng Thị Vui số tiền 6.850.000 đồng là giá trị cây trồng trên phần diện tích đất được công nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn Hiến có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Như C số tiền 13.657.000 đồng.

4. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Như C.

Buộc ông Lê Văn Hiến phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy

định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh Phùng Thị Hoài Phương

Nguyễn Thành Tâm

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự (12);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm

